

Số: 117 /BCGSĐT

Phường Sài, ngày 10 tháng 02 năm 2023

**BÁO CÁO GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ TỔNG THỂ ĐẦU TƯ  
(Năm 2022)**

Kính gửi: Phòng Tài chính – Kế hoạch thành phố

**I. TÌNH HÌNH BAN HÀNH CÁC VĂN BẢN HƯỚNG DẪN CÁC CHÍNH SÁCH,  
PHÁP LUẬT LIÊN QUAN ĐẾN ĐẦU TƯ THEO THẨM QUYỀN:**

- Nêu các văn bản hướng dẫn được ban hành trong kỳ báo cáo (*số văn bản, ngày tháng ban hành, trích yếu văn bản*).
- Đánh giá sơ bộ hiệu quả và tác động của các văn bản hướng dẫn được ban hành đối với việc quản lý đầu tư.

**II. TÌNH HÌNH QUẢN LÝ QUY HOẠCH** (*nêu rõ tình hình và kết quả thực hiện, những mặt được, chưa được, nguyên nhân và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức liên quan; các vướng mắc về cơ chế, chính sách và kiến nghị các biện pháp giải quyết*).

1. Tình hình lập, thẩm định, phê duyệt các quy hoạch thuộc lĩnh vực quản lý.
2. Việc quản lý thực hiện các quy hoạch theo quy định.
3. Các vướng mắc chính và kiến nghị các biện pháp giải quyết

**III. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ** (*nêu rõ tình hình và kết quả thực hiện, những mặt được, chưa được, nguyên nhân và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức liên quan; các vướng mắc về cơ chế, chính sách và kiến nghị các biện pháp giải quyết*).

- Tổng hợp số liệu về kế hoạch vốn đầu tư trong năm: 1.886.151.213 đồng
- Tình hình thực hiện vốn đầu tư trong kỳ (*giá trị khối lượng thực hiện*): 1.764.772.000 đồng
- Kết quả huy động và giải ngân vốn đầu tư trong kỳ: 1.764.772.000 đồng
- Tình hình nợ đọng vốn đầu tư (nếu có): Không có
- Tình trạng lãng phí, thất thoát vốn đầu tư (nếu có).

*(Kèm theo phụ biểu 01)*

**IV. TÌNH HÌNH QUẢN LÝ CÁC CHƯƠNG TRÌNH ĐẦU TƯ CÔNG** *(nêu rõ tình hình và kết quả thực hiện, những mặt được, chưa được, nguyên nhân và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức liên quan; các vướng mắc về cơ chế, chính sách và kiến nghị các biện pháp giải quyết).*

Không có.

**V. TÌNH HÌNH QUẢN LÝ CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ SỬ DỤNG VỐN NHÀ NƯỚC** *(nêu rõ tình hình và kết quả thực hiện, những mặt được, chưa được, nguyên nhân và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức liên quan; các vướng mắc về cơ chế, chính sách và kiến nghị các biện pháp giải quyết).*

1. Tình hình lập, thẩm định, phê duyệt chủ trương đầu tư.

- Nghị quyết số 178/NQ-HĐND ngày 24/12/2021 của HĐND thành phố Nha Trang về chủ trương đầu tư dự án: *Cải tạo nhà văn hóa và trực ban bảo vệ dân phố tổ 7, tổ 8 phường Phương Sài.*

- Nghị quyết số 33/NQ-HĐND ngày 27/5/2022 của HĐND thành phố Nha Trang về chủ trương đầu tư dự án: *Cải tạo, sửa chữa trụ sở UBND phường Phương Sài.*

2. Việc lập, thẩm định, quyết định đầu tư.

- *Quyết định số 117/QĐ-UBND ngày 15/2/2022 của UBND thành phố Nha Trang về việc lập BCKTKT dự án: Cải tạo nhà văn hóa và trực ban bảo vệ dân phố tổ 7, tổ 8 phường Phương Sài.*

- *Quyết định số 712/QĐ-UBND ngày 10/6/2022 của UBND thành phố Nha Trang về việc lập BCKTKT dự án: Cải tạo, sửa chữa trụ sở UBND phường Phương Sài.*

3. Tình hình lập, thẩm định phê duyệt thiết kế kỹ thuật, dự toán.

- *Quyết định số 4084/QĐ-CT-UBND ngày 09/8/2022 của Chủ tịch UBND thành phố Nha Trang về việc phê duyệt BCKTKT đầu tư xây dựng: Cải tạo nhà văn hóa và trực ban bảo vệ dân phố tổ 7, tổ 8 phường Phương Sài.*

- *Quyết định số 3835/QĐ-CT-UBND ngày 26/7/2022 của Chủ tịch UBND thành phố Nha Trang về việc phê duyệt BCKTKT đầu tư xây dựng: Cải tạo, sửa chữa trụ sở UBND phường Phương Sài.*

4. Tình hình thực hiện các dự án:

a) Việc quản lý thực hiện dự án: *lập kế hoạch tổng thể và kế hoạch chi tiết thực hiện dự án; tình hình thực hiện và điều chỉnh kế hoạch;*

b) Tình hình thực hiện dự án đầu tư: *tiến độ thực hiện; khối lượng và giá trị khối lượng thực hiện; chất lượng công việc; các biến động trong quá trình thực hiện dự án;*

- Tiến độ thực hiện dự án: năm 2022 - 2023

c) Tình hình thực hiện kế hoạch vốn đầu tư: việc huy động vốn cho dự án; giải ngân (tạm ứng, thu hồi tạm ứng, thanh toán); quyết toán vốn dự án hoàn thành; nợ đọng xây dựng cơ bản (nếu có) và việc xử lý;

- Giải ngân của CT: Cải tạo nhà văn hóa và trực ban bảo vệ dân phố tổ 7, tổ 8 phường Phương Sài: 636.940.000 đồng.

- Giải ngân của CT: Cải tạo, sửa chữa trụ sở UBND phường Phương Sài: 1.127.832.000 đồng.

- Không có nợ đọng vốn xây dựng cơ bản. Hiện tại đơn vị đang tiến hành thủ tục quyết toán vốn dự án hoàn thành.

d) Năng lực tổ chức thực hiện dự án và việc chấp hành các quy định về quản lý đầu tư, của ban quản lý dự án và các nhà thầu;

đ) Khó khăn, vướng mắc, phát sinh trong quá trình thực hiện dự án và việc xử lý theo thẩm quyền;

e) Đề xuất phương án xử lý khó khăn, vướng mắc, vấn đề vượt quá thẩm quyền.

5. Tình hình khai thác, vận hành dự án đã hoàn thành.

Công trình cải tạo nhà văn hóa và trực ban bảo vệ dân phố tổ 7, tổ 8 phường Phương Sài; công trình cải tạo, sửa chữa trụ sở UBND phường Phương Sài đã được nghiệm thu, bàn giao đưa vào sử dụng.

6. Các vướng mắc chính và kiến nghị các biện pháp giải quyết.

(Kèm theo phụ biểu 03)

**VI. TÌNH HÌNH QUẢN LÝ CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ THEO HÌNH THỨC ĐỐI TÁC CÔNG TƯ** (nêu rõ tình hình và kết quả thực hiện, những mặt được, chưa được, nguyên nhân và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức liên quan; các vướng mắc về cơ chế, chính sách và kiến nghị các biện pháp giải quyết).

Không có.

**VII. TÌNH HÌNH QUẢN LÝ CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ SỬ DỤNG NGUỒN VỐN KHÁC** (nêu rõ tình hình và kết quả thực hiện, những mặt được, chưa được, nguyên nhân và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức liên quan; các vướng mắc về cơ chế, chính sách và kiến nghị các biện pháp giải quyết).

Không có.

**VIII. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÔNG TÁC GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ ĐẦU TƯ CỦA CÁC CHỦ ĐẦU TƯ VÀ CƠ QUAN NHÀ NƯỚC** *(nêu rõ tình hình và kết quả thực hiện, những mặt được, chưa được, nguyên nhân và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức liên quan; các vướng mắc về cơ chế, chính sách và kiến nghị các biện pháp giải quyết).*

UBND phường luôn thực hiện các chế độ báo cáo đúng quy định, thời gian theo yêu cầu của các cấp có thẩm quyền. Trong năm 2022, đơn vị có phát sinh 2 công trình xây dựng cơ bản là: *Công trình cải tạo nhà văn hóa và trực ban bảo vệ dân phố tổ 7, tổ 8 phường Phương Sài; Công trình cải tạo, sửa chữa trụ sở UBND phường Phương Sài.* Mặc dù được giao vốn vào quý 4/2022, nhưng địa phương vẫn cố gắng tiến hành thực hiện triển khai thi công và công tác giải ngân vốn đầu tư (tạm ứng, thu hồi tạm ứng, thanh toán) thực hiện theo đúng quy định của pháp luật, không để xảy ra tình trạng nợ đọng.

Qua quá trình triển khai các dự án, UBND phường luôn thực hiện nghiêm túc các quy định về quản lý chất lượng, nghiệm thu khối lượng công việc hoàn thành; chất lượng thi công công trình đáp ứng yêu cầu thiết kế. Về cơ bản các nhà thầu có đủ năng lực tổ chức thực hiện dự án và chấp hành đúng, đủ các quy định của nhà nước trong quá trình triển khai dự án.

**IX. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÔNG TÁC GIÁM SÁT ĐẦU TƯ CỦA CỘNG ĐỒNG** *(nêu rõ tình hình và kết quả thực hiện, những mặt được, chưa được, nguyên nhân và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức liên quan; các vướng mắc về cơ chế, chính sách và kiến nghị các biện pháp giải quyết).*

Công tác giám sát đầu tư cộng đồng để kiểm tra, đánh giá hiệu quả đầu tư của các dự án công trình thi công trên địa bàn phường được coi là một trong những nhiệm vụ trọng tâm năm 2022 của UBMTTQVN Phường Phương Sài.

UBMTTQVN phường Phương Sài đã thành lập các Ban giám sát đầu tư cộng đồng tại các khu dân cư để trực tiếp làm việc với bên Chủ đầu tư, nhà thầu nhằm mục đích giám sát, đánh giá tình hình triển khai các dự án của địa phương trong năm. Từ đó nhằm đảm bảo cho hoạt động đầu tư chung của từng dự án đem lại hiệu quả, phù hợp với mục tiêu và thực hiện đúng pháp luật, chính sách của Nhà nước.

Trong năm 2022, các ban giám sát đầu tư cộng đồng đã làm việc với Chủ đầu tư và các nhà thầu về 2 công trình: *Công trình cải tạo nhà văn hóa và trực ban bảo vệ dân phố tổ 7, tổ 8 phường Phương Sài; Công trình cải tạo, sửa chữa trụ sở UBND phường Phương Sài.*

UBND phường luôn thực hiện công khai, minh bạch các dự án đầu tư; có tiến hành họp giao thầu, nghiệm thu với sự tham gia của lãnh đạo Đảng ủy, HĐND, UBMTTQVN phường cùng với đại diện các ban ngành, đoàn thể, ban thanh tra nhân dân và các ban giám sát đầu tư cộng đồng có công trình thi công.

Từ các thông tin, ý kiến của các Ban giám sát đầu tư cộng đồng, UBMTTQVN phường nhận thấy Chủ đầu tư và các nhà thầu đã cố gắng trong việc triển khai các dự án đề thi công được kịp thời, không chậm so với tiến độ cấp trên đã giao. Các công trình có tiến độ thi công khá nhanh, chất lượng thi công cơ bản đáp ứng được yêu cầu thiết kế. Bên cạnh đó, nhận thấy nhà thầu có thiện chí trong việc khắc phục các lỗi trong việc thi công.

Hàng năm, UBMTTQVN phường luôn thực hiện đầy đủ và nộp các báo cáo giám sát đúng hạn theo yêu cầu của cấp trên.

*(Kèm theo phụ biểu 06)*

## **X. CÁC ĐỀ XUẤT VÀ KIẾN NGHỊ**

Không có./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Văn Duy Vinh**



3.3	Vốn trong nước								
3.4	Vốn nước ngoài								
III	Dự án sử dụng nguồn vốn khác								
1	Vốn trong nước								
2	Vốn nước ngoài								
<b>IV</b>	<b>Tổng cộng</b>	<b>1,886</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>1,764</b>	<b>93,5%</b>	<b>1,764</b>	<b>93,5%</b>	<b>0</b>
1	Vốn đầu tư công (I.1 + II.1 + II.3.1)	1,886	0	0	1,764	93,5%	1,764	93,5%	0
2	Vốn nhà nước ngoài đầu tư công (I.2 + II.2.1 + III.3.2)								
3	Vốn khác								
	- Trong nước (I.3.1 + II.2.2 + II.3.3 + III.1)								
	- Nước ngoài (I.3.2 + II.2.3 + II.3.4 + III.2)								

## Phụ lục 02

### Tổng hợp số liệu về chương trình đầu tư công (do cơ quan là chủ trương trình, chủ dự án thành phần hoặc chủ đầu tư dự án)

TT	Nội dung	CTMTQG	CTMT	CTMTĐP
<b>I</b>	<b>Chủ chương trình</b>			
1	Số lượng			
2	Tổng vốn kế hoạch			
3	Giá trị thực hiện			
4	Giá trị giải ngân			
<b>II</b>	<b>Chủ dự án thành phần</b>			
1	Số lượng			
2	Tổng vốn kế hoạch			
3	Giá trị thực hiện			
4	Giá trị giải ngân			
<b>III</b>	<b>Chủ đầu tư dự án thuộc các chương trình</b>			
1	Số lượng			
2	Tổng vốn kế hoạch			
3	Giá trị thực hiện			
4	Giá trị giải ngân			

#### Ghi chú:

1. CTMTQG: Chương trình mục tiêu Quốc gia.
2. CTMT: Chương trình mục tiêu do Chính phủ quyết định chủ trương.
3. CTMTĐP: Chương trình mục tiêu do địa phương quyết định chủ trương.









<i>b</i>	<i>Số dự án đã đưa vào sử dụng có vấn đề về kỹ thuật, không có hiệu quả (nếu có)</i>																
<i>c</i>	<i>Số dự án được đánh giá tác động trong kỳ</i>																

**Ghi chú: A\*:** dự án từ nhóm A trở lên (bao gồm cả dự án quan trọng Quốc gia)

## Phụ biểu 04

### Tình hình thực hiện giám sát, đánh giá đầu tư các dự án đầu tư theo hình thức PPP trong kỳ

TT	Nội dung	Tổng số	Phân theo nhóm		
			A*	B	C
<b>I</b>	<b>Chuẩn bị đầu tư</b>				
1	Danh mục dự án				
<i>a</i>	<i>Số dự án thực hiện thủ tục đề xuất đầu tư</i>				
	- Do cơ quan nhà nước đề xuất				
	- Do nhà đầu tư đề xuất				
<i>b</i>	<i>Số dự án được phê duyệt đề xuất, công bố</i>				
2	Số dự án có quyết định đầu tư				
3	Số dự án hoàn thành lựa chọn nhà đầu tư				
	- Chỉ định nhà đầu tư:				
	- Đấu thầu rộng rãi:				
4	Số dự án được cấp mới Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư				
5	Số dự án được điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư				
6	Số dự án hoàn tất các thủ tục Hợp đồng dự án				
<b>II</b>	<b>Thực hiện đầu tư</b>				
1	Số dự án thực hiện đầu tư				
<i>a</i>	<i>Số dự án chuyển tiếp</i>				
<i>b</i>	<i>Số dự án khởi công mới</i>				
2	Số dự án đã thực hiện báo cáo giám sát, đánh giá đầu tư theo quy định				
3	Số dự án đã thực hiện kiểm tra (do người có thẩm quyền Quyết định đầu tư và cơ quan quản lý NN thực hiện)				
4	Số dự án đã thực hiện đánh giá				
5	Số dự án có vi phạm quy định về thủ tục đầu tư, quản lý chất lượng được phát hiện				
6	Số dự án có thất thoát, lãng phí được phát hiện ( <i>sau khi thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, quyết toán</i> )				
<i>a</i>	<i>Tổng vốn đầu tư của các dự án có thất thoát, lãng phí bị phát hiện</i>				
<i>b</i>	<i>Tổng số tiền bị thất thoát, lãng phí được xác định</i>				
7	Số dự án chậm tiến độ				
<i>a</i>	<i>Số dự án chậm tiến độ do thủ tục đầu tư</i>				

b	Số dự án chậm tiến độ do công tác giải phóng mặt bằng				
c	Số dự án chậm tiến độ do năng lực của Nhà đầu tư, nhà thầu				
d	Số dự án chậm tiến độ do nguyên nhân khác				
8	Số dự án phải điều chỉnh				
a	Số dự án phải điều chỉnh mục tiêu, quy mô đầu tư				
b	Số dự án phải điều chỉnh vốn đầu tư				
c	Số dự án phải điều chỉnh tiến độ đầu tư				
d	Số dự án phải điều chỉnh do các nguyên nhân khác				
9	Số dự án phải ngừng thực hiện vì các lý do khác nhau				
<b>III</b>	<b>Kết thúc đầu tư, bàn giao đưa vào sử dụng</b>				
1	Số dự án kết thúc đầu tư				
2	Lũy kế số dự án đã kết thúc nhưng chưa được quyết toán				
3	Số dự án được quyết toán				
4	Tình hình khai thác vận hành				
a	Lũy kế số dự án đã đưa vào vận hành				
b	Số dự án đã đưa vào sử dụng có vấn đề về kỹ thuật.				
c	Số dự án đã đưa vào sử dụng nhưng hiệu quả thấp hoặc không hiệu quả (nếu có)				

**Phụ biểu 05**

**Tình hình thực hiện giám sát đầu tư các dự án sử dụng các nguồn vốn khác**

TT	Chỉ tiêu	Tổng số	Dự án FDI			Dự án trong nước		
			(1)	(2)	(3)	(1)	(2)	(3)
1	Số dự án nộp thủ tục xin chủ trương đầu tư							
2	Số dự án được phê duyệt chủ trương đầu tư							
3	Số dự án được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư trong kỳ							
4	Số dự án được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư điều chỉnh trong kỳ							
5	Số dự án thực hiện đầu tư trong kỳ							
-	Dự án cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư							
-	Dự án không cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư							
6	Vốn đầu tư đăng ký (tỷ đồng):							
a	Lũy kế tổng vốn đăng ký đầu tư							
b	Tổng số vốn đăng ký đầu tư tăng thêm trong kỳ							
-	Dự án đăng ký mới							
-	Dự án đăng ký điều chỉnh tăng vốn đầu tư							
7	Vốn đầu tư thực hiện (tỷ đồng):							
a	Lũy kế tổng vốn đầu tư thực hiện							
b	Tổng vốn đầu tư thực hiện trong kỳ							
-	Vốn chủ sở hữu							
-	Vốn vay							
-	Vốn huy động hợp pháp khác							
8	Số dự án đã được kiểm tra, đánh giá trong kỳ							
9	Số dự án có vi phạm quy định về quản lý đầu tư được phát hiện trong kỳ							
10	Số dự án có vi phạm quy định về bảo vệ môi trường được phát hiện trong kỳ							
11	Số dự án có vi phạm quy định về sử dụng đất đai được phát hiện trong kỳ							
12	Số dự án có vi phạm quy định về quản lý tài nguyên được phát hiện trong kỳ							

13	Số dự án phải thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư trong kỳ							
14	Số dự án đã kết thúc đầu tư trong kỳ							
15	Số dự án đưa vào khai thác vận hành trong kỳ							
a	Số dự án có lợi nhuận							
b	Tình hình nộp ngân sách (tỷ đồng)							

**Ghi chú:** (1): Dự án thuộc diện Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư trở lên; (2): Dự án do địa phương quyết định chủ trương; (3): Dự án không phải quyết định chủ trương đầu tư.



**Phụ biểu 06****Tổng hợp kết quả giám sát đầu tư của cộng đồng****Tên địa phương: UBND phường Phương Sài****Năm: 2022**

	Tổng số dự án đầu tư	Trong đó:			Ghi chú
		Dự án sử dụng vốn và công sức cộng đồng; vốn ngân sách cấp xã; vốn tài trợ trực tiếp cho xã	Dự án đầu tư công; dự án sử dụng vốn nhà nước ngoài đầu tư công và dự án đầu tư theo hình thức PPP	Dự án sử dụng vốn khác	
1. Tổng số dự án đầu tư trên địa bàn	2	2			
2. Tổng số dự án cộng đồng đã giám sát, trong đó:					
- Đúng quy định	2	2			
- Có vi phạm					
- Chưa xác định được					
3. Số dự án cộng đồng chưa giám sát, trong đó:					
- Do các cơ quan chưa công khai thông tin					
- Do chủ đầu tư chưa công khai thông tin					
- Lý do khác					
4. Tổng số dự án cộng đồng đã phản ánh có vi phạm:					
- Đã có thông báo kết quả xử lý.					
- Chưa có thông báo kết quả xử lý					
- Chủ đầu tư đã chấp hành theo thông báo					